

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNV ngày /10/2021 của Sở Nội vụ)

Đơn vị: Cơ quan Văn Phòng Sở; Chương: 435, Mã ĐVSDNS: 1101094

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-41.226.998
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 khoản 341)	-5.226.998
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-5.226.998
	Kinh phí nghiệp vụ	-5.226.998
+	Kinh phí Hội nghị Sơ kết 03 năm việc thực hiện Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/2/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 26-KH/TU của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;	-32.400.000
+	Kinh phí kiểm tra công tác quản lý hồ sơ cán bộ, công chức; công tác bổ nhiệm; văn hóa công sở; cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức	-67.200.000
+	Kinh phí Hội thảo về “Xây dựng Hệ thống lưu trữ và giải pháp lưu trữ an toàn tài liệu điện tử tại Lưu trữ cơ quan và Lưu trữ lịch sử tỉnh”	-48.600.000
+	Kinh phí tổ chức kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên chuyên viên chính năm 2021	-60.944.998

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
+	<i>Kinh phí thực hiện công tác chỉnh lý tài tồn đọng tích đọng phong Sở Nội vụ (giai đoạn 1980 - 2005)</i>	114.058.000
+	<i>Kinh phí thực hiện sát hạch tiếp nhận vào làm công chức</i>	25.860.000
+	<i>Kinh phí chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với ông Nguyễn Văn Dũng (theo Công văn số 5858/UBND-NC ngày 20 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh)</i>	64.000.000
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-36.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-36.000.000
-	Kinh phí tập huấn nghiệp vụ CCHC (Loại 070, khoản 083)	-36.000.000
-	Học sinh cử tuyển (Loại 070, khoản 083)	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu	